

Bản án số: 57/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26/07/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chấn
2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 26 tháng 07 N 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 71/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 03 N 2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 06 N 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị M, sinh N 1992 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn Y, Huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn N, sinh N 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn Y, Huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: N 2016, được sự đồng ý của hai gia đình, chị và anh Hoàng Văn N đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi tổ chức đám cưới chị và anh N có được tự nguyện tìm hiểu, không ai ép buộc. Chị và anh N có

đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng, Hện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Sau đám cưới chị về nhà anh N làm dâu ngay. Chị và anh N chung sống hòa thuận hạnh phúc đến N 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau, có lần còn xảy ra đánh nhau, khiến cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, bế tắc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, trong phát triển kinh tế và chăm sóc con cái trong gia đình, nhất là mỗi lúc con ốm đau, anh N không có trách nhiệm, chủ yếu do một mình chị chăm sóc. Từ đầu N 2023, chị và anh N đã sống ly thân, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Tháng 04/2024, chị và các con đã về nhà mẹ đẻ chị ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N đã hết, không thể đoàn tụ gia đình được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn N.

Về con chung: Chị và anh Hoàng Văn N sinh được 02 con chung là Hoàng Gia H, sinh ngày 18/07/2017 và Hoàng Thùy T, sinh ngày 29/04/2019. Các con đang ở với chị. Ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cả 02 con. Chị yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/con. Chị đang kinh doanh Yên Sào tại phố X, thị trấn Y. Ngoài ra chị còn làm thêm việc khác, thu nhập 25.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị và anh Hoàng Văn N có mua được thửa đất số 213, tờ bản đồ 48, diện tích 72m² đất ở, tại thôn Chăm Cũ, xã Tiên Hưng, Hện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã được Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri: CG692000, số vào sổ cấp GCN: CS00086 ngày 19/05/2017 mang tên ông Phạm Văn Quang, bà Nguyễn Thị Thanh Thảo. Từ ngày 30/08/2021, thửa đất mang tên chị và anh Hoàng Văn N. Trên đất có 01 ngôi nhà ống 03 tầng, diện tích 233,6m². Chị đề nghị chia cho chị và anh Hoàng Văn N mỗi người ½ giá trị tài sản, chị yêu cầu giao cho chị được quyền sử dụng thửa đất và sở hữu ngôi nhà trên đất, chị sẽ trích chia trả anh N giá trị tài sản bằng tiền.

Về nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn anh Hoàng Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: N 2016, được sự đồng ý của hai gia đình, anh và chị Đỗ Thị M đã tổ chức đám cưới. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng, Hện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Sau đám cưới chị M về nhà anh làm dâu ngay. Anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến N 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, xúc phạm nhau, có lần còn xảy ra đánh nhau, khiến cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng, bế tắc. Nguyên nhân là do chị M phải lòng người đàn ông khác, vợ chồng bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con cái, chị M thiếu tôn trọng anh. Mặc dù anh và chị M vẫn chung sống cùng một nhà, nhưng vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 N 2023.

Tháng 04/2024, chị M đã cùng các con về nhà mẹ đẻ chị ở. Anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị M đã hết, chị M xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Đỗ Thị M sinh được 02 con chung là Hoàng Gia H, sinh ngày 18/07/2017 và Hoàng Thùy T, sinh ngày 29/04/2019. Các con đang ở với chị M. Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị M ly hôn anh, anh có nguyện vọng được nuôi cả 02 con, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Anh làm nghề buôn bán tự do, ngoài ra còn làm xuất khẩu lao động tại Công ty VJK, tại thị trấn Y, Hện Lục Nam. Ngoài ra, anh còn làm thêm việc khác, thu nhập từ 17.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống anh và chị Đỗ Thị M có tạo dựng được khối tài sản chung như chị M đã trình bày. Ly hôn, anh đề nghị chia cho chị Đỗ Thị M và anh mỗi người $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, anh yêu cầu giao cho anh được quyền sử dụng thửa đất và sở hữu ngôi nhà trên đất, anh sẽ trích chia trả chị M giá trị tài sản bằng tiền.

Về nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị M và anh Hoàng Văn N. Về con chung, giao cho chị Đỗ Thị M nuôi cả 02 con, anh Hoàng Văn N phải cấp dưỡng nuôi con cho chị M là 2.000.000 đồng/con/tháng. Về tài sản chung, giao cho chị Đỗ Thị M được quyền sử dụng thửa đất và sở hữu ngôi nhà trên. Chị M phải trích chia trả anh Hoàng Văn N $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản bằng tiền. Về công nợ, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đỗ Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, con chung và chia tài sản khi ly hôn giữa chị với anh Hoàng Văn N. Đây là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” quy định tại Điều 28 Luật hôn nhân và gia đình. Bị đơn cư trú tại Hện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Hện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị M kết hôn với anh Hoàng Văn N trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Hưng, Hện Lục Nam, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị

Đỗ Thị M và anh Hoàng Văn N sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh N đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Tại biên bản lấy lời khai anh N nhất trí ly hôn; tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù anh N xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì các con anh không nhất trí ly hôn; tại phiên tòa anh N nhất trí ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, cần công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị M và anh Hoàng Văn N.

[3] Về con chung: Chị Đỗ Thị M và anh Hoàng Văn N sinh được 02 con chung là Hoàng Gia H, sinh ngày 18/07/2017 và Hoàng Thùy T, sinh ngày 29/04/2019. Các con đang ở với chị M, vẫn ngoan, phát triển bình thường. Ly hôn, cả chị M và anh N đều có nguyện vọng được nuôi cả 02 con. Chị M yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/con/tháng, anh N không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án giao cho mỗi người nuôi 01 con, anh N xin được nuôi con bé là Hoàng Thùy T.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cả chị Đỗ Thị M và anh Hoàng Văn N đều đủ điều kiện để nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa cháu Hoàng Gia H đã đủ 07 tuổi có nguyện vọng tiếp tục được ở với mẹ, cháu Hoàng Thùy T đang bị bệnh phải điều trị lâu dài. Các con đang ở ổn định với chị M, để tránh xáo trộn về cuộc sống, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các con, nên tiếp tục giao cả 02 con cho chị Đỗ Thị M nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Đỗ Thị M yêu cầu anh Hoàng Văn N cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/con cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trường hợp Tòa án giao cho chị Đỗ Thị M nuôi cả 02 con, anh N đồng ý cấp dưỡng nuôi con như yêu cầu của chị M. Vì vậy, anh Hoàng Văn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Đỗ Thị M 2000.000 đồng/tháng/con, kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị Đỗ Thị M và anh Hoàng Văn N tạo dựng được khối tài sản chung gồm: Thửa đất số 213, tờ bản đồ 48, diện tích 72m² đất ở, tại thôn Chăm Cũ, xã Tiên Hưng (nay là tổ dân phố X, thị trấn Y), Hện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri: CG692000, số vào sổ cấp GCN: CS00086 ngày 19/05/2017 mang tên ông Phạm Văn Quang, bà Nguyễn Thị Thanh Thảo. Từ ngày 30/08/2021, thửa đất mang tên chị M và anh N. Thửa đất có các hướng tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp nương nước từ điểm 1 đến điểm 2 rộng 04m, phía Nam giáp đường tỉnh lộ 293 từ điểm 3 đến điểm 4 rộng 04m, phía Đông giáp đất nhà ông bà B từ điểm 2 đến điểm 3 dài 18m, phía Tây giáp đất nhà ông Q từ điểm 1 đến điểm 4 dài 18m (có sơ đồ kèm theo). Trị giá thửa đất là

1.440.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm bốn mươi triệu đồng). Trên đất có 01 ngôi nhà ống 03 tầng, diện tích 233,6m², trị giá 915.712.000 đồng (Chín trăm mười N triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng). Tổng giá trị tài sản là 2.355.712.000 đồng (Hai tỷ ba trăm N mươi N triệu bảy trăm mười hai nghìn đồng). Chị Đỗ Thị M và anh Hoàng Văn N đều đồng ý chia mỗi người ½ giá trị tài sản. Tuy nhiên, chị M và anh N đều yêu cầu được giao quyền sử dụng thửa đất và sở hữu ngôi nhà trên đất và sẽ trích chia trả bên kia giá trị tài sản bằng tiền.

Hội đồng xét xử thấy: Chị Đỗ Thị M, anh Hoàng Văn N đều có nguyện vọng được giao quyền sử dụng đất và sở hữu tài sản trên đất. Chị M và anh N đều không có tài sản riêng, tuy nhiên sau ly hôn, chị Đỗ Thị M và các con cần có chỗ ở ổn định cuộc sống. Vì vậy, giao cho chị Đỗ Thị M được quyền sử dụng thửa đất và được sở hữu ngôi nhà trên đất, cùng các tài sản công trình tài sản khác gắn liền với đất nếu có là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Đỗ Thị M và anh Hoàng Văn N đều xác nhận các tài sản trên là tài sản chung của hai vợ chồng và đều đề nghị chia đều cho mỗi người ½ giá trị tài sản, nên chị Đỗ Thị M phải trích chia trả anh Hoàng Văn N ½ giá trị tài sản là 1.177.856.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm N mươi sáu nghìn đồng).

[5] Về nghĩa vụ chung đối với tài sản (công nợ): Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về chi phí tố tụng: Quá trình tố tụng, chị Đỗ Thị M đã nộp 10.000.000 đồng tiền tạm ứng để chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Số tiền trên đã chi phí hết 2.500.000 đồng. Số tiền còn lại 7.500.000 đồng đã hoàn lại cho chị Đỗ Thị M. Căn cứ vào Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Đỗ Thị M, anh Hoàng Văn N mỗi người phải chịu 1.250.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Vì vậy, buộc anh Hoàng Văn N phải hoàn trả cho chị Đỗ Thị M 1.250.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Tuy nhiên, chị M xin chịu cả, không yêu cầu anh N phải hoàn trả cho chị số tiền trên nên không đặt ra xem xét.

[7]. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đỗ Thị M, anh Hoàng Văn N mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng chị M xin chịu cả nên chị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Đỗ Thị M phải 47.335.680 đồng (làm tròn 47.335.000 đồng) án phí chia tài sản khi ly hôn. Tổng số tiền án phí chị Đỗ Thị M phải chịu là 47.635.000 đồng. Trừ đi 45.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Đỗ Thị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008113 ngày

07/03/2024, tại Chi cục thi hành án dân sự Hện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, chị Đỗ Thị M còn phải chịu 1.885.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hoàng Văn N phải chịu 47.335.000 đồng tiền án phí chia tài sản khi ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 33, Điều 51, Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 N 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Thị M và anh Hoàng Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị M nuôi 02 con là Hoàng Gia H, sinh ngày 18/07/2017 và Hoàng Thùy T, sinh ngày 29/04/2019. Anh Hoàng Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Anh Hoàng Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị Đỗ Thị M 2.000.000 đồng/con/tháng, kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. Về sản chung: Giao cho chị Đỗ Thị M quyền sử dụng thửa đất số 213, tờ bản đồ 48, diện tích 72m² đất ở, tại thôn Chằm Cũ, xã Tiên Hưng (nay là tổ dân phố X, thị trấn Y), Hện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số seri: CG692000, số vào sổ cấp GCN: CS00086 ngày 19/05/2017 mang tên ông Phạm Văn Quang, bà Nguyễn Thị Thanh Thảo. Từ ngày 30/08/2021, thửa đất mang tên chị M và anh N. Thửa đất có các hướng tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp nương nước từ điểm 1 đến điểm 2 rộng 04m, phía Nam giáp đường tỉnh lộ 293 từ điểm 3 đến điểm 4 rộng 04m, phía Đông giáp đất nhà ông bà B từ điểm 2 đến điểm 3 dài 18m, phía Tây giáp đất nhà ông Q từ điểm 1 đến điểm 4 dài 18m (có sơ đồ kèm theo); và sở hữu 01 ngôi nhà 03 tầng, diện tích 233,6m², cùng toàn bộ các tài sản, công trình khác gắn liền với đất nếu có. Tổng giá trị tài sản chị Đỗ Thị M được chia là 1.177.856.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm N mươi sáu nghìn đồng).

Chị Đỗ Thị M phải trích chia trả anh Hoàng Văn N số tiền là 1.177.856.000 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi bảy triệu tám trăm lăm mươi sáu nghìn).

4. Về án phí: Chị Đỗ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, 47.335.000 đồng án phí chia tài sản khi ly hôn. Trừ đi 45.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Đỗ Thị M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008113 ngày 07/03/2024, tại Chi cục thi hành án dân sự Hện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, chị Đỗ Thị M còn phải chịu 1.885.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hoàng Văn N phải chịu 47.335.000 đồng tiền án phí chia tài sản khi ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về kháng cáo: Báo cho các đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

(Kèm theo Bản án là sơ đồ thừa đất)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã Đông Hưng;
- Lưu hồ sơ, v/p.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huân